

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **34/2018/HNGĐ.ST**
Ngày **30/5/2018**
V/v tranh chấp “*Ly hôn và nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Tài**
2. Ông **Nguyễn Văn Sang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Hạnh Nhung**- Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C: Ông **Lê Văn Quốc**.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018 Tòa án nhân dân quận C mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 59/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình “*Ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/QĐXXST- HN ngày 14/5/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**; sinh năm: 1975. ĐKTT: đường V, khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn H1**; Sinh năm: 1965. ĐKTT: Tổ N, Khóm N, thị trấn V, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Chỗ ở hiện nay: đường V, khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/02/2018 của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Trần Văn H1 tự nguyện kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (cũ) vào năm 2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do ông H1 không lo phụ giúp kinh tế gia đình, thường xuyên uống rượu về nhà cản nhằn vợ con và ông H1 hay ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên

cự cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên ông bà đã ly thân khoảng 04 năm nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể duy trì cuộc hôn nhân này được nữa nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Kim N (nữ) sinh ngày 02/10/2002.

Bà yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có yêu cầu giải quyết.

Về nợ: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn H1 cho rằng: thừa nhận thời điểm kết hôn, quan hệ hôn nhân và con chung như vợ ông trình bày là đúng. Tuy nhiên, theo ông thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Vợ chồng vẫn sống hạnh phúc cho đến khoảng một năm nay thì vợ ông có đi chơi 4-5 ngày nhưng không nói cho ông biết; ngoài ra, vợ ông thường xuyên nhắn tin với người đàn ông khác nên vợ chồng cự cãi nhau. Nay ông còn thương vợ con nên mong muốn hàn gắn, đoàn tụ lại, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý giao con cho bà H nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: không có yêu cầu giải quyết.

Về nợ: không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của quá trình giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho bà H được ly hôn với ông H1.

+ Về con chung: giao cháu N cho bà H nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom con chung cho ông H1 theo quy định pháp luật.

+ Về tài sản chung: không có yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

+ Về nợ: không có nên không giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn H1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (cũ) nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp, được pháp

luật bảo vệ và điều chỉnh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét thấy, mặc dù quan hệ hôn nhân của ông bà xác lập trên cơ sở tự nguyện; quá trình chung sống có thời gian hạnh phúc và đã có con chung với nhau. Tuy nhiên, trong cuộc sống hôn nhân, lẽ ra cả hai vợ chồng phải có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau và cùng nhau phát triển kinh tế gia đình để xây dựng hôn nhân tiến bộ và bền vững nhưng ông bà không làm được điều đó nên dẫn đến hôn nhân đổ vỡ là điều tất yếu. Nay bà H yêu cầu ly hôn, còn ông H1 cho rằng còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, giữa ông H1 và bà H đã có thời gian ly thân khá lâu, trong khoảng thời gian ly thân và quá trình giải quyết vụ án, ông H1 không có động thái hay đưa ra giải pháp nào có hiệu quả để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại. Vì vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà H ly hôn với ông H1 là phù hợp.

[2] *Về con chung*: Có 01 con chung là Trần Kim N (nữ) sinh ngày 02/10/2002. Bà H có yêu cầu tiếp tục nuôi con và ông H1 cũng đồng ý nên ghi nhận giao cháu N cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Do ông H1 không trực tiếp nuôi con nên dành quyền thăm nom con chung cho ông H1 theo quy định pháp luật.

[3] *Về tài sản chung*: Không có yêu cầu nên không giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Cả hai xác định không có nên không giải quyết. Nếu sau này có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà H phải chịu 300.000đ án phí tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Văn H1.

2. **Về con chung:** Có 01 con chung là Trần Kim N (nữ) sinh ngày 02/10/2002.

Giao con cho bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng.

Bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông Trần Văn H1 theo quy định pháp luật.

3. **Về tài sản chung:** Không có yêu cầu nên không giải quyết.

4. **Về nợ:** Cả hai xác định không có nên không giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp, sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

5. **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000đ theo biên lai số 006296 ngày 07/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ. Bà H đã nộp xong án phí.

6. **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Chi cục THA Q. C.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

Nguyễn Thị Thùy Trang